TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 188/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2019/QĐ-TA ngày 18/6/2019; số 67/2019/QĐ-TA ngày 08/7/2019; số 77/2019/QĐ-TA ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1940

Cư trú: Số 0, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim K: Ông Nguyễn Th L, sinh năm 1960, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019)

Cư trú: Số 4, Nguyễn T, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 05, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

1.2. Ông Nguyễn Th P, sinh năm 1937; chết ngày 29/7/2019,

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Th P:

+ Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1940

Cư trú: Số 05, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Th L, sinh năm 1960

Cư trú: Số 384, Nguyễn T, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Th S, sinh năm 1962

Cư trú: Số 3 và 6, Nguyễn T, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Th V, sinh năm 1963

Cư trú: Tổ 2, ấp Bình H, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Th T, sinh năm 1967

Cư trú: Sườn 4, ấp Phú Đ, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Th H, sinh năm 1969

Cư trú: Số 5, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Th Hu, sinh năm 1971

Cư trú: Số 5, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Th T, sinh năm 1973

Cư trú: Số 5, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Th N, sinh năm 1975

Cư trú: Số 5, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Th S, sinh năm 1962.

Cư trú: Số 3 và 6, Nguyễn T, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1978;

2.3. Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2001;

2.4 Cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 2008.

Cùng cư trú: Số 0, Châu V, khóm D, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Thu N là bà Lê Thị T, sinh năm 1978;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lý Văn H, sinh năm 1959;

3.2. Bà Lư Thị S, sinh năm 1960.

Cùng cư trú: Số 9, Trường T, khóm Long T A, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

3.3. Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Th L; vắng mặt: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Ủy ban nhân dân thị xã C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về mối quan hệ: Ông Nguyễn Th S, Nguyễn Th T là con của ông Nguyễn Th P bà Nguyễn Thị Kim K; bà Lê Thị T là vợ của Nguyễn Th T; cháu Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Thu N là con của ông T và bà Th, kêu ông P, bà K bằng ông bà Nội; ông Lý Văn H, bà Lư Thị S là người chuyển nhượng nhà, đất cho ông P, bà K.

Ngày 02/02/2009, ông P, bà K ký "*Giấy mua bán đất + nhà*" (Bút lục 17), nhận chuyển nhượng của ông Lý Văn H và bà Lư Thị S nhà, đất tọa lạc tại: Số 56, đường Nguyễn Văn L, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang, nhà chưa đăng ký quyền sở hữu; đất, ông H, bà S được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) huyện C (Nay là thị xã C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ) số HI200Ea ngày 05/02/2007, diện tích 68,3m^2, giá chuyển nhượng là 2.650.000.000đ. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, không công chứng, chứng thực. Ngay khi nhận chuyển nhượng, ông P, bà K đã nhận nhà, đất. Sau đó, ông bà sử dụng nhà làm cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng cho đến nay.

Ông P, bà K giao cho con trai là Nguyễn Th S và Nguyễn Th T đi làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông, bà.

Quá trình làm thủ tục, ông Nguyễn Th S và vợ là Trần Thị Kim Y đứng tên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/3/2009 (Bút lục 49), nhận chuyển nhượng đất với ông Lý Văn H và bà Lư Thị S, nội dung Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 68,3m^2 theo GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 05/02/2007, do UBND huyện C (Nay là thị xã C) cấp ngày 03/02/2007, giá chuyển nhượng là 700.000.000đ. Hợp đồng được UBND thị trấn C xác nhận cùng ngày, hồ sơ số 202, quyển số 0I/2009 TP/CC/HĐGD.

Ông S và bà Y được UBND thị xã C cấp GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 04/3/2009.

Ngày 18/3/2009, ông S và bà Y cùng ông Nguyễn Th T đến UBND thị trấn C, huyện C (Nay là phường Long T, thị xã C) lập Tờ tự thỏa thuận với nội dung: Vào ngày 02/3/2009, ông P, bà K có mua một phần đất cho hai người con là Nguyễn Th S và Nguyễn Th T, do không am hiểu pháp luật nên đã để cho S và Y đứng tên GCNQSDĐ. Bà Y tự nguyện rút tên ra khỏi GCNQSDĐ mà thay vào đó là Nguyễn Th T.

Căn cứ vào Tờ tự thỏa thuận nêu trên, UBND huyện C (Nay là thị xã C) cấp GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 20/3/2009 cho ông Nguyễn Th S và ông Nguyễn Th T.

Ông Nguyễn Th T chết ngày 02/8/2010, có vợ là bà Lê Thị T, con là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 2008.

Năm 2014, ông P, bà Kkhởi kiện ông Lý Văn H và bà Lư Thị S tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Văn H, bà Lư Thị S và ông Nguyễn Th S. Vụ án bị đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện theo Quyết định số 42/2015/QĐST-DS ngày 08/4/2015 của Tòa án nhân dân thị xã C.

* Đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, ông P, bà K yêu cầu ông Nguyễn Th S và Nguyễn Th T sang tên giao trả tài sản cho ông, bà.

Ngày 19/10/2018, ông P, bà K bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 20/3/2009 do UBND huyện C cấp cho ông S và ông T.

* Bà Lê Thị T trình bày do ông S và ông T làm chung với ông P, bà Knên ông P, bà K mới mua nhà đất cho ông T, nhưng khi làm giấy thì ông S để tên ông S và vợ là bà Y đứng tên, ông T phát hiện tranh chấp, nên ông S để ông S cùng ông T đứng tên giấy đất. Căn nhà được ông P, bà Ksử dụng làm cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng, bà và ông T chưa từng vào ở trong nhà này.

Việc ông P, bà K yêu cầu đòi lại nhà đất bà không đồng ý.

* Cháu Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Thu N đồng ý trả nhà đất theo yêu cầu của ông P, bà K. Yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

* UBND thị xã C trình bày tại Công văn số 1609/UBND-NC ngày 18/9/2018 về việc cấp GCNQSDĐ nêu trên là thực hiện theo sự thỏa thuận của các đương sự. Đây là tranh chấp dân sự, khi nào có quyết định của Tòa án, UBND thị xã C sẽ chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. UBND thị xã C xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Các ông bà: Nguyễn Th S, Lý Văn H và Lư Thị S không có ý kiến về vụ án, vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Do đương sự yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện C cấp cho ông S và ông T, nên vụ án được Tòa án nhân dân thị xã C chuyển lên cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thẩm quyền, được quy định tại Khoản 4, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Ông S, ông H, bà S, bà Th đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án lập Biên bản không tiến hành hòa giải được, công khai chứng cứ cho các đương sự trong vụ án được biết.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 29/7/2019, ông P chết. Tòa án đã thông báo đưa những người hàng thừa kế thứ nhất của ông P vào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trình bày trên.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt HĐXX) không phát hiện vi phạm.

+ Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, UBND thị xã C, cháu Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Th N có yêu cầu xét xử vắng mặt; các ông bà: Nguyễn Th S, Lê Thị T, Nguyễn Thị Th V, Nguyễn Thị Th T, Nguyễn Th H, Nguyễn Th Hu, Nguyễn Thị Th T, Nguyễn Thị Th N, Lý Văn H, Lư Thị S được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Ông P, bà K yêu cầu ông S, ông T trả lại đất cho ông, bà đứng tên và hủy GCNQSDĐ trong khi nhà đất ông P, bà Kđang quản lý sử dụng và đang giữ bản chính GCNQSDĐ nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

[4]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông P, bà Kyêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND thị xã C cấp cho ông S, ông T, nên Tòa án nhân dân thị xã C chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết là đúng quy định tại Khoản 4, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[5]. Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Bà K, ông P ủy quyền cho ông Nguyễn Th L tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp đến khi kết thúc vụ án, có công chứng (BL 44). Xét thấy việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại Điều 138, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Dân sự, nên được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, ngày 29/7/2019, ông P chết là đã chấm dứt việc ủy quyền đối với ông Long, nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đưa những người hàng thừa kế thứ nhất của ông P vào tham gia tố tụng. Cho nên, ông Long chỉ còn đại diện theo ủy quyền của bà K.

[6]. Về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Do UBND thị xã C có yêu cầu hòa giải vắng mặt, các đương sự còn lại vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 3, Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Về nội dung khởi kiện: Ông Nguyễn Th P và bà Nguyễn Thị Kim K yêu cầu hủy GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 20/3/2009 do UBND thị xã C cấp cho ông

Nguyễn Th S và Nguyễn Th T, để trả lại quyền sử dụng đất cho ông, bà đứng tên, HĐXX xét thấy: Đất đang tranh chấp do ông Nguyễn Th P và bà Nguyễn Thị Kim K nhận chuyển nhượng của ông Lý Văn H và bà Lư Thị S thể hiện qua *"Giấy mua bán đất + nhà"* ngày 02/02/2009. Việc này được ông Nguyễn Th S và Nguyễn Th T thừa nhận qua nội dung của *"Tờ tự thỏa thuận"* ngày 18/3/2009 (Bút lục 46); ông Lý Văn H, bà Lư Thị S thừa nhận qua Bản tự khai ngày 21/12/2014 (Bút lục 42, do Tòa án thị xã C thu thập từ hồ sơ ông P, bà Kkiện ông H bà S năm 2014). Tuy việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, nhưng tài sản đã giao nhận và trả tiền xong, cả người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng đều không tranh chấp Hợp đồng này. Ông Nguyễn Th S được ông P, bà Kgiao thực hiện hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật thì ông Nguyễn Th S và bà Trần Thị Kim Y tự ý đứng tên người nhận chuyển nhượng trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lý Văn H, bà Lư Thị S để được cấp GCNQSDĐ. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, giữa ông S, bà Y, ông T đã thỏa thuận cho ông T đứng tên trong GCNQSDĐ thay cho tên của bà Y. Ông S, bà Y và ông T ký "*Tờ tự thỏa thuận"* ngày 18/3/2009 xác nhận đất cha mẹ mua cho ông S và ông T, nhưng ông S, ông T không chứng minh được việc ông P và bà Ktặng cho đất. Mặt khác, từ khi nhận chuyển nhượng nhà đất đến nay, ông S, ông T không được giao quản lý nhà, đất; nhà, đất vẫn do ông P, bà Kquản lý sử dụng làm nơi mua bán. Hiện tại bản chính GCNQSDĐ do bà Kgiữ.

[8]. Qua đó, có đủ cơ sở để xác định, quyền sử dụng đất là của ông P, bà K. Do ông S, ông T không trực tiếp quản lý sử dụng đất, không phải là người trực tiếp nhận chuyển nhượng đất với ông H, bà S; việc ông S, ông T được UBND thị xã C cấp GCNQSDĐ là do ông S, ông T khai không trung thực dẫn đến việc cấp GCNQSDĐ không đúng đối tượng, nên cần phải hủy GCNQSDĐ số HI200Ea ngày 20/3/2009 do UBND huyện C (nay là thị xã C) cấp cho ông Nguyễn Th S và ông Nguyễn Th T theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

[9]. Lẽ ra, HĐXX buộc ông S và ông T giao trả quyền sử dụng đất cho bà Kvà ông P. Nhưng do ông T, ông P đã chết là đã phát sinh quan hệ thừa kế trong tài sản này, nên HĐXX buộc ông S và những người thừa kế của ông T là: Bà Th, cháu Hồng và cháu Ngân giao trả quyền sử dụng đất cho bà Kvà những người thừa kế của ông P để các đương sự thực hiện các quyền tiếp theo theo quy định của pháp luật.

[10]. Nếu các đương sự có tranh chấp di sản thừa kế thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[11]. Bà Kvà những người thừa kế của ông P có quyền chủ động đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[12]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[13]. Về chi phí tố tụng: Ông P, bà Kđã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân thị xã C số tiền là 800.000đ để chi cho việc thẩm định tại chỗ, định giá; nộp chi phí đo đạc 851.400đ, tổng số tiền bà Ktạm ứng là 1.651.400đ. Tại phiên tòa, ông

Long đại diện cho bà Kđồng ý chịu toàn bộ chi phí này, nên được HĐXX chấp nhận

[14]. Về án phí: Ông P, bà Kkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Tòa án nhân dân thị xã C đã miễn tạm ứng án phí của ông P, bà Kdo ông, bà là người cao tuổi.

[15]. Do vụ án được Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý ngày 03/10/2016, tại thời điểm Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án còn hiệu lực, nên được áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 để tính án phí đối với các đương sự.

Ông S, bà Th, cháu Hồng và cháu Ngân phải chịu chung 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 34, Điều 200, Khoản 1, Điều 157 và Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Khoản 2, Khoản 5 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th P và bà Nguyễn Thị Kim K.

- Công nhận diện tích 68,3m^2 đất thửa số 120, tờ bản đố số 28, tọa lạc tại số 56, đường Nguyễn Văn L, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Th P và bà Nguyễn Thị Kim K.

- Buộc ông Nguyễn Th S và người thừa kế của ông Nguyễn Th T là bà Lê Thị T, cháu Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Th Ngân giao trả cho bà Nguyễn Thị Kim K và những người thừa kế của ông Nguyễn Th P quyền sử dụng đất có diện tích 68,3m^2 thửa số 120, tờ bản đố số 28, tọa lạc tại số 56, đường Nguyễn Văn L, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HI200Ea ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C (Nay là thị xã C) cấp cho ông Nguyễn Th S và ông Nguyễn Th T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HI200Ea ngày 20/3/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C (Nay là thị xã C) cấp cho ông Nguyễn Th S và ông Nguyễn Th T.

- Bà Nguyễn Thị Kim K và những người thừa kế của ông Nguyễn Th P được quyền chủ động đăng ký quyền sử dụng đất có diện tích 68,3m^2 thửa số 120, tờ bản đố số 28, tọa lạc tại số 56, đường Nguyễn Văn L, khóm Long T B, phường Long T, thị xã C, tỉnh An Giang.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim K tự nguyện chịu chi phí cho việc việc đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá với tổng số tiền là 1.651.400đ. Bà K đã nộp xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Th S, bà Lê Thị T, cháu Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Th Ngân phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyễn Th S, Lê Thị T, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Th V, Nguyễn Thị Th T, Nguyễn Th H, Nguyễn Th Hu, Nguyễn Thị Th T, Nguyễn Thị Th N, Lý Văn H, Lư Thị S và Ủy ban nhân dân thị xã C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV&THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Bùi Thị Nguyễn